

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI TRONG LĨNH VỰC**  
**TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ**  
**CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI**

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
<b>A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (42 TTHC)</b>								
<b>Lĩnh vực đất đai (42 TTHC)</b>								
1	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp <b>thuộc diện chấp thuận</b> chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức	Một phần	Không quá 20 ngày làm việc <i>(Không bao gồm thời gian giải quyết của các cơ quan quy định tại khoản 5 Điều 12 NĐ 102/2024/NĐ-CP)</i>  Tăng thêm 10 ngày vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	<b>Phí thẩm định:</b> * Thẩm định hồ sơ trong trường hợp giao đất không thu tiền: - Mức thu phí thấp nhất: Diện tích cấp dưới 0,50 ha: 600.000 đồng/hồ sơ; - Mức thu phí cao nhất: Diện tích cấp từ 10,00 ha trở lên: 4.500.000 đồng/hồ sơ * Thẩm định hồ sơ trong trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất: - Mức thu phí thấp	(1) UBND cấp tỉnh (2) Sở Tài nguyên và Môi trường (3) Văn phòng đăng ký đất đai (4) Cơ quan thuế (nếu có)	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
	kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (1.012752)				<p>nhất: Diện tích cấp dưới 0,50 ha: 1.500.000 đồng/hồ sơ;</p> <p>- Mức thu phí cao nhất: Diện tích cấp từ 10,00 ha trở lên: 6.000.000 đồng/hồ sơ</p> <p>Lệ phí:</p> <p>- Cấp mới GCN (cấp lần đầu): 100.000 đồng/giấy.</p> <p>* Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.</p>			<p>32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai</p> <p>(4) Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất</p> <p>(5) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>
2	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử	Một phần	Không quá 20 ngày làm việc (Không bao gồm	Trung tâm Phục vụ hành chính	<p>Phí thẩm định:</p> <p>* Thẩm định hồ sơ trong trường hợp giao</p>	(1) UBND cấp tỉnh (2) Sở Tài	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
	dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp <b>không thuộc diện</b> chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (1.012755)		<i>thời gian giải quyết của các cơ quan quy định tại khoản 5 Điều 12 ND 102/2024/NĐ-CP</i> Tăng thêm 10 ngày vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn	công tỉnh Trà Vinh	đất không thu tiền: - Mức thu phí thấp nhất: Diện tích cấp dưới 0,50 ha: 600.000 đồng/hồ sơ; - Mức thu phí cao nhất: Diện tích cấp từ 10,00 ha trở lên: 4.500.000 đồng/hồ sơ * Thẩm định hồ sơ trong trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất: - Mức thu phí thấp nhất: Diện tích cấp dưới 0,50 ha: 1.500.000 đồng/hồ sơ; - Mức thu phí cao nhất: Diện tích cấp từ 10,00 ha trở lên: 6.000.000 đồng/hồ sơ Lệ phí: - Cấp mới GCN (cấp lần đầu): 100.000 đồng/giấy. * Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực	nguyên và Môi trường (3) Văn phòng đăng ký đất đai (4) Cơ quan thuế (nếu có)	nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh.	ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (4) Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (5) Quyết định số

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					tuyển theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024
3	Giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất (1.012757)	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không quá 20 ngày làm việc (Không bao gồm thời gian giải quyết của các cơ quan quy định tại khoản 5 Điều 12 ND 102/2024/NĐ-CP)</li> <li>- Tăng thêm 10 ngày vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<p><b>Phí thẩm định:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Đối với trường hợp giao đất không thu tiền sử dụng đất: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích từ 0,5 ha, 600.000đ/hồ sơ;</li> <li>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích từ 10 ha, 4.500.000đ/hồ sơ.</li> </ul> </li> <li>* Đối với trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích từ 0,5 ha, 1.500.000đ/hồ sơ;</li> <li>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích từ 10 ha, 6.000.000đ/hồ sơ</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>(1) UBND cấp tỉnh</li> <li>(2) Sở Tài nguyên và Môi trường</li> <li>(3) Văn phòng đăng ký đất đai</li> <li>(4) Cơ quan thuế (nếu có)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ;</li> <li>- Nộp qua dịch vụ bưu chính;</li> <li>- Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</li> <li>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</li> </ul>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<b>Lệ phí:</b> - Cấp mới GCN (cấp lần đầu): 100.000 đồng/giấy. * Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			(3) Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (4) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. (5) Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (6) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024
4	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp <b>thuộc diện</b> chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo	Một phần	- Không quá 20 ngày làm việc (Không bao gồm thời gian giải quyết của các cơ quan quy định tại	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí thẩm định: * Đất nông nghiệp: - Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> , 70.000 đồng/hồ sơ;	(1) UBND cấp tỉnh (2) Sở Tài nguyên và Môi trường (3) Văn phòng	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
	quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là tổ chức trong nước (1.012758)		<p><i>khoản 5 Điều 12 NĐ 102/2024/NĐ-CP</i></p> <p>- Tăng thêm 10 ngày vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn</p>		<p>- Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500 ha, 4.600.000 đồng/hồ sơ. * Đất ở, đất phi nông nghiệp:</p> <p>- Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 100.000 đồng/hồ sơ;</p> <p>- Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500 ha, 4.700.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>Lệ phí:</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 30.000 đồng/lần/giấy;</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 30.000 đồng/lần.</p> <p>* Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số</p>	đăng ký đất đai (4) Cơ quan thuế (nếu có)	chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh.	<p>sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. (4) Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (6) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			
5	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp <b>không thuộc diện</b> chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là tổ chức trong nước (1.012759)	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không quá 20 ngày làm việc <i>(Không bao gồm thời gian giải quyết của các cơ quan quy định tại khoản 5 Điều 12 ND 102/2024/NĐ-CP)</i></li> <li>- Tăng thêm 10 ngày vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	Phí thẩm định: * Thẩm định hồ sơ trong trường hợp giao đất không thu tiền: - Mức thu phí thấp nhất: Diện tích cấp dưới 0,50 ha: 600.000 đồng/hồ sơ; - Mức thu phí cao nhất: Diện tích cấp từ 10,00 ha trở lên: 4.500.000 đồng/hồ sơ * Thẩm định hồ sơ trong trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất: - Mức thu phí thấp nhất: Diện tích cấp dưới 0,50 ha: 1.500.000 đồng/hồ	1) UBND cấp huyện (2) Sở Tài nguyên và Môi trường (3) Văn phòng đăng ký đất đai (4) Cơ quan thuế (nếu có)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ;</li> <li>- Nộp qua dịch vụ bưu chính;</li> <li>- Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh.</li> </ul>	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					sơ; - Mức thu phí cao nhất: Diện tích cấp từ 10,00 ha trở lên: 6.000.000 đồng/hồ sơ Lệ phí: - Cấp mới GCN (cấp lần đầu): 100.000 đồng/giấy. * Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. (4) Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (5) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024
6	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập, người gốc Việt Nam	Một phần	- Không quá 20 ngày làm việc (Không bao gồm thời gian giải quyết của các cơ quan quy định tại	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<b>Phí thẩm định:</b> * Đối với trường hợp giao đất không thu tiền sử dụng đất: + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích từ 0,5	(1) UBND cấp tỉnh (2) Sở Tài nguyên và Môi trường (3) Văn	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15



STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
	định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (1.012760)		<p><i>khoản 5 Điều 12 ND 102/2024/NĐ-CP</i></p> <p>- Tăng thêm 10 ngày vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn</p>		<p>ha, 600.000đ/hồ sơ;  + Mức thu phí cao nhất: Diện tích từ 10 ha, 4.500.000đ/hồ sơ.  * Đối với trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất:  + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích từ 0,5 ha, 1.500.000đ/hồ sơ;  + Mức thu phí cao nhất: Diện tích từ 10 ha, 6.000.000đ/hồ sơ</p> <p><b>Lệ phí:</b>  * Đối với tổ chức  - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 100.000 đồng/01 giấy.  - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 30.000 đồng/01 lần.  * Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số</p>	phòng đăng ký đất đai (4) Cơ quan thuế (nếu có)	chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh.	<p>ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.  (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.  (4) Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất  (5) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			01/8/2024
7	Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là tổ chức trong nước, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (1.012761)	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không quá 20 ngày làm việc (Không bao gồm thời gian giải quyết của các cơ quan quy định tại khoản 5 Điều 12 ND 102/2024/ND-CP)</li> <li>Tăng thêm 10 ngày vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<p><b>Phí thẩm định:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Đối với trường hợp giao đất không thu tiền sử dụng đất: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích từ 0,5 ha, 600.000đ/hồ sơ;</li> <li>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích từ 10 ha, 4.500.000đ/hồ sơ.</li> </ul> </li> <li>* Đối với trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích từ 0,5 ha, 1.500.000đ/hồ sơ;</li> <li>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích từ 10 ha, 6.000.000đ/hồ sơ</li> </ul> </li> </ul> <p><b>Lệ phí:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Đối với tổ chức</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>(1) UBND cấp tỉnh</li> <li>(2) Sở Tài nguyên và Môi trường</li> <li>(3) Văn phòng đăng ký đất đai</li> <li>(4) Cơ quan thuế (nếu có)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ;</li> <li>- Nộp qua dịch vụ bưu chính;</li> <li>- Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</li> <li>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</li> <li>(3) Nghị định số</li> </ul>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 100.000 đồng/01 giấy.</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 30.000 đồng/01 lần.</p> <p>* Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.</p>			<p>102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>(4) Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất</p> <p>(5) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>
8	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết	Một phần	- Không quá 10 ngày làm việc. <i>(Không bao gồm thời gian giải quyết của các cơ</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không có	(1) UBND cấp tỉnh (2) Sở Tài nguyên và Môi trường	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
	định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (1.012762)		<p><i>quan quy định tại khoản 5 Điều 12 ND 102/2024/NĐ-CP)</i></p> <p>- Tăng thêm 5 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn</p>			<p>(3) Văn phòng đăng ký đất đai</p> <p>(4) Cơ quan thuế (nếu có)</p>	<p>dịch vụ bưu chính;</p> <p>- Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh.</p>	<p>43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>(4) Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất</p> <p>(5) Quyết định số 2124/QĐ-</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
								BTNMT ngày 01/8/2024
9	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (1.012763)	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không quá 20 ngày làm việc (Không bao gồm thời gian giải quyết của các cơ quan quy định tại khoản 5 Điều 12 ND 102/2024/NĐ-CP)</li> <li>- Tăng thêm 10 ngày vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không có	<ul style="list-style-type: none"> <li>(1) UBND cấp tỉnh</li> <li>(2) Sở Tài nguyên và Môi trường</li> <li>(3) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai</li> <li>(4) Cơ quan thuế (nếu có)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ;</li> <li>- Nộp qua dịch vụ bưu chính;</li> <li>- Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</li> <li>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</li> <li>(3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</li> <li>(4) Nghị định số 103/2024/NĐ-CP</li> </ul>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
								ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (5) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024
10	Chấp thuận tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án (1.012764)	Một phần	23 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị (Sở Tài nguyên và Môi trường 15 ngày, UBND tỉnh 08 ngày)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không có	(1) UBND cấp tỉnh (2) Sở Tài nguyên và Môi trường	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
								của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. (4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024
11	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (1.012804)	Một phần	- Không quá 20 ngày làm việc (Không bao gồm thời gian giải quyết của các cơ quan quy định tại khoản 5 Điều 12 NĐ 102/2024/NĐ-CP) - Tăng thêm 10 ngày vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<b>Phí thẩm định:</b> * Đối với trường hợp giao đất không thu tiền sử dụng đất: + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích từ 0,5 ha, 600.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích từ 10 ha, 4.500.000đ/hồ sơ. * Đối với trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất: + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích từ 0,5 ha, 1.500.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích từ 10 ha, 6.000.000đ/hồ sơ <b>Lệ phí:</b> * Đối với tổ chức - Mức thu lệ phí đăng	(1) UBND cấp tỉnh (2) Sở Tài nguyên và Môi trường (3) Văn phòng đăng ký đất đai (4) Cơ quan thuế (nếu có)	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 100.000 đồng/01 giấy.</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 30.000 đồng/01 lần.</p> <p>* Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.</p>			<p>của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>(4) Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất</p> <p>(5) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>
12	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần	Một phần	Không quá 20 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu; không quá	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa	<b>Phí thẩm định:</b> * Đối với tổ chức Đất nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> : 100.000đ/hồ	(1) UBND cấp tỉnh (2) Sở Tài nguyên và Môi trường (3) Văn phòng	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15



STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
	đầu đối với tổ chức đăng sử dụng đất (1.012753)		23 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu (trong đó đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu là không quá 20 ngày làm việc; cấp Giấy chứng nhận lần đầu là không quá 03 ngày làm việc) (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn)	cấp huyện	<p>sơ;</p> <p>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 5.200.000đ/hồ sơ.</p> <p>Đất ở, đất phi nông nghiệp</p> <p>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 120.000đ/hồ sơ;</p> <p>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 5.300.000đ/hồ sơ.</p> <p><b>Lệ phí:</b></p> <p>* Đối với tổ chức</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai: 100.000 đồng/01 giấy.</p> <p>* Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh</p>	đăng ký đất đai (4) Cơ quan thuế (nếu có)	<p>chính;</p> <p>- Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh;</p> <p>- Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu cầu đăng ký và Văn phòng đăng ký đất đai.</p>	<p>ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>(4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			
13	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài (1.012754)	Một phần	không quá 20 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu; không quá 23 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu (trong đó đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu là không quá 20 ngày làm việc; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu là	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<b>Phí thẩm định:</b> * Đối với hộ gia đình, cá nhân Đất nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> , 50.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m <sup>2</sup> , 180.000đ/hồ sơ. Đất ở, đất phi nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> , 80. 000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m <sup>2</sup> , 200.000đ/hồ sơ. <b>Lệ phí:</b> * Đối với hộ gia đình, cá nhân	(1) UBND cấp tỉnh. (2) Sở Tài nguyên và Môi trường (3) Văn phòng đăng ký đất đai (4) Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan thuế, cơ quan có chức năng quản lý về xây dựng cấp huyện.	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh; - Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu cầu đăng ký và Văn phòng đăng ký đất đai.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai;

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			không quá 03 ngày làm việc). (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn)		- Tại các Phường Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai: 25.000 đồng/01 giấy. - Tại các xã, thị trấn Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai: 12.500 đồng/01 giấy. * Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024
14	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý (1.012756)	Một phần	Không quá 20 ngày làm việc (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận	Không	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Ủy ban nhân dân cấp xã	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua	1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			có điều kiện KTXH khó khăn)	một cửa cấp huyện			dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh; - Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu cầu đăng ký và Văn phòng đăng ký đất đai.	43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai (4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng (1.012765)	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa hoặc trường hợp chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: không quá 10 ngày làm việc.</li> <li>- Thủ tục cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng: không quá 05 ngày làm việc. (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn)</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<p><b>Phí thẩm định:</b> +Trường hợp in mới GCN</p> <p>Đất nông nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 50.000 đồng/hồ sơ;</li> <li>- Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000 m<sup>2</sup>, 250.000 đồng/hồ sơ.</li> </ul> <p>Đất ở, đất phi nông nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 100.000 đồng/hồ sơ;</li> <li>- Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000 m<sup>2</sup>, 270.000 đồng/hồ sơ.</li> </ul> <p>* Trường hợp không in mới GCN</p> <p>Đất nông nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 40.000 đồng/hồ sơ;</li> <li>- Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên</li> </ul>	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ;</li> <li>- Nộp qua dịch vụ bưu chính;</li> <li>- Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh;</li> <li>- Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu cầu đăng ký và Văn phòng đăng ký đất đai.</li> </ul>	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</p> <p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>3000 m<sup>2</sup>, 150.000 đồng/hồ sơ.  Đất ở, đất phi nông nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 70.000 đồng/hồ sơ;</li> <li>- Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000 m<sup>2</sup>, 250.000 đồng/hồ sơ.</li> </ul> <p><b>Lệ phí:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 25.000 đồng/01 giấy.</li> <li>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 28.000 đồng/lần.</li> </ul> <p>Tại các xã, thị trấn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 12.500 đồng/01 giấy.</li> <li>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất</li> </ul>			<p>thống thông tin đất đai.  (4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					đai (trường hợp chính lý GCN): 14.000 đồng/lần. * Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			
16	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm (1.012820)	Một phần	Không quá 10 ngày làm việc (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn)	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<b>Phí thẩm định</b> * Đối với tổ chức - Trường hợp in mới GCN Đất nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> : 70.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 4.600.000đ/hồ	(1)Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (2) Cơ quan thuế (nếu có)	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>sơ. Đất ở, đất phi nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 100.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 4.700.000đ/hồ sơ. - Trường hợp xác nhận GCN Đất nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>: 60.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 3.700.000đ/hồ sơ. Đất ở, đất phi nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>: 80.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 3.700.000đ/hồ</p>		<p>dịch vụ công tỉnh Trà Vinh; - Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu cầu đăng ký và Văn phòng đăng ký đất đai.</p>	<p>27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>



STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Đối với hộ gia đình, cá nhân</li> <li>- Trường hợp in mới GCN</li> <li>Đất nông nghiệp</li> <li>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 50.000đ/hồ sơ;</li> <li>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 250.000đ/hồ sơ.</li> <li>Đất ở, đất phi nông nghiệp</li> <li>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 100.000đ/hồ sơ;</li> <li>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 270.000đ/hồ sơ.</li> <li>- Trường hợp xác nhận GCN</li> <li>Đất nông nghiệp</li> <li>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 40.000đ/hồ sơ;</li> </ul>			

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 150.000đ/hồ sơ.  Đất ở, đất phi nông nghiệp</p> <p>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 70. 000đ/hồ sơ;</p> <p>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 250.000đ/hồ sơ.</p> <p><b>Lệ phí:</b>  * Đối với tổ chức  - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 100.000 đồng/01 giấy.  - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 30.000 đồng/lần.  * Đối với hộ gia đình, cá nhân  Tại các Phường  - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất</p>			

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>đai (trường hợp in mới GCN): 25.000 đồng/01 giấy.</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 28.000 đồng/lần.</p> <p>Tại các xã, thị trấn</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 12.500 đồng/01 giấy.</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 14.000 đồng/lần.</p> <p>* Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với</p>			

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			
17	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng (1.012766)	Một phần	Không quá 03 ngày làm việc (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn)	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<b>Phí thẩm định:</b> * Đối với tổ chức: 100.000đ/hồ sơ; * Đối với hộ gia đình, cá nhân: 20.000đ/hồ sơ; Lệ phí: * Đối với tổ chức - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 100.000 đồng/lần/giấy. - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 30.000 đồng/lần. * Đối với hộ gia đình, cá nhân Tại các Phường - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 25.000 đồng/01 giấy. - Mức thu lệ phí đăng	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh; - Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu cầu đăng ký và Văn phòng đăng ký đất đai.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 28.000 đồng/lần.</p> <p>Tại các xã, thị trấn</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 12.500 đồng /01 giấy.</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 14.000 đồng/lần.</p> <p>* Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.</p>			<p>quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>(4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
18	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên (1.012768)	Một phần	-Thời gian thực hiện thủ tục đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất: không quá 05 ngày làm việc - Thời gian thực hiện thủ tục thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề: không quá 07 ngày làm việc <i>(Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn)</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<b>Phí thẩm định</b> * Đối với tổ chức - Trường hợp in mới GCN Đất nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> : 70.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 4.600.000đ/hồ sơ. Đất ở, đất phi nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> , 100.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 4.700.000đ/hồ sơ. - Trường hợp không cấp mới GCN Đất nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> : 60.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh; - Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu cầu đăng ký và Văn phòng đăng ký đất đai.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>nhất: Diện tích trên 500ha: 3.700.000đ/hồ sơ.  Đất ở, đất phi nông nghiệp  + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>: 80.000đ/hồ sơ;  + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 3.700.000đ/hồ sơ.</p> <p>Trường hợp thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận; thay đổi về nghĩa vụ tài chính: mức thu phí 100.000 đồng/hồ sơ.  * Đối với hộ gia đình, cá nhân  -Trường hợp in mới GCN  Đất nông nghiệp  + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 50.000đ/hồ sơ;  + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên</p>			<p>thống thông tin đất đai.  (4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>3000m<sup>2</sup>, 250.000đ/hồ sơ.  Đất ở, đất phi nông nghiệp  + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 100.000đ/hồ sơ;  + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 270.000đ/hồ sơ.  Trường hợp không cấp mới GCN Đất nông nghiệp  + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 40.000đ/hồ sơ;  + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 150.000đ/hồ sơ.  Đất ở, đất phi nông nghiệp  + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 70.000đ/hồ sơ;  + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên</p>			



STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>3000m<sup>2</sup>, 250.000đ/hồ sơ.</p> <p>Trường hợp thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận; thay đổi về nghĩa vụ tài chính: mức thu phí 20.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>Trường hợp thay đổi số CMND; thay đổi từ CMND sang thẻ CCCD theo yêu cầu của người sử dụng đất thì không thu phí thẩm định.</p> <p><b>Lệ phí:</b></p> <p>* Đối với tổ chức</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 100.000 đồng/01 giấy.</li> <li>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 30.000 đồng/01 lần.</li> </ul> <p>* Đối với hộ gia đình, cá nhân</p> <p>Tại các Phường</p>			

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 25.000 đồng/01 giấy.</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 28.000 đồng/lần.</p> <p>Tại các xã, thị trấn</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 12.500 đồng /01 giấy.</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 14.000 đồng/lần.</p> <p>* Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh</p>			

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			
19	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký (1.012769)	Một phần	<p>-Thời gian thực hiện thủ tục đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất: không quá 05 ngày làm việc</p> <p>- Thời gian thực hiện thủ tục thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề: không quá 07 ngày làm việc (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn)</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<p><b>Phí thẩm định</b> * Đối với tổ chức: Đất ở, đất phi nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 100.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 4.700.000đ/hồ sơ. * Đối với hộ gia đình, cá nhân: Đất ở, đất phi nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 100.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 270.000đ/hồ sơ. <b>Lệ phí:</b></p>	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ;</li> <li>- Nộp qua dịch vụ bưu chính;</li> <li>- Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh;</li> <li>- Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu cầu đăng ký và Văn phòng đăng ký đất đai.</li> </ul>	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai;</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>* Đối với tổ chức Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai: 500.000 đồng/ 01 giấy.</p> <p>* Đối với hộ gia đình, cá nhân -Tại các Phường Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai: 100.000 đồng/01 giấy.</p> <p>- Tại các xã, thị trấn Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai: 50.000 đồng/01 giấy.</p> <p>* Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực</p>			<p>đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>(4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					tuyển trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			
20	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức (1.012770)	Một phần	Không quá 8 ngày làm việc (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn)	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<b>Phí thẩm định:</b> * Đối với tổ chức - Trường hợp in mới GCN Đất nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> : 70.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 4.600.000đ/hồ sơ. Đất ở, đất phi nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> , 100.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 4.700.000đ/hồ sơ. - Trường hợp xác nhận GCN Đất nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> : 60.000đ/hồ	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Cơ quan thuế (nếu có)	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh; - Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu cầu đăng ký và Văn phòng đăng ký đất đai.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>sơ;  + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 3.700.000đ/hồ sơ.  Đất ở, đất phi nông nghiệp  + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>: 80. 000đ/hồ sơ;  + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 3.700.000đ/hồ sơ.  <b>Lệ phí:</b>  * Đối với tổ chức  - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 100.000 đồng/01 giấy.  - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 30.000 đồng/01 lần.  * Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực</p>			<p>tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.  (4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					tuyển theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			
21	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển	Một phần	- Thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do sự thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả hòa giải thành về tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo về đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<b>Phí thẩm định:</b> * Đối với tổ chức - Trường hợp in mới GCN Đất nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> : 70.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 4.600.000đ/hồ sơ. Đất ở, đất phi nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> , 100.000đ/hồ sơ;	(1) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (2) Cơ quan thuế (nếu có)	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh; - Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa	1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
	<p>nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (1.012772)</p>		<p>lý tài sản thế chấp: không quá 08 ngày làm việc          - Thay đổi về quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm: không quá 15 ngày làm việc          - Bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công: không quá 10 ngày làm việc (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn)</p>		<p>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 4.700.000đ/hồ sơ.          - Trường hợp xác nhận GCN          Đất nông nghiệp          + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>: 60.000đ/hồ sơ;          + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 3.700.000đ/hồ sơ.          Đất ở, đất phi nông nghiệp          + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>: 80.000đ/hồ sơ;          + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 3.700.000đ/hồ sơ.          * Đối với hộ gia đình, cá nhân          - Trường hợp in mới GCN          Đất nông nghiệp          + Mức thu phí thấp</p>		<p>người yêu cầu đăng ký và Văn phòng đăng ký đất đai.</p>	<p>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.          (4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>



STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 50.000đ/hồ sơ;  + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 250.000đ/hồ sơ.  Đất ở, đất phi nông nghiệp  + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 100.000đ/hồ sơ;  + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 270.000đ/hồ sơ.  - Trường hợp xác nhận GCN  Đất nông nghiệp  + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 40.000đ/hồ sơ;  + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 150.000đ/hồ sơ.  Đất ở, đất phi nông nghiệp  + Mức thu phí thấp</p>			

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 70. 000đ/hồ sơ;  + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 250.000đ/hồ sơ.  <b>Lệ phí:</b>  * Đối với tổ chức  - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 100.000 đồng/01 giấy.  - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 30.000 đồng/lần.  * Đối với hộ gia đình, cá nhân  Tại các Phường  - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 25.000 đồng/01 giấy.  - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 28.000</p>			

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>đồng/lần.            Tại các xã, thị trấn            - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 12.500 đồng/01 giấy.            - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 14.000 đồng/lần.            * Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.</p>			
22	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia	Một phần	Không quá 20 ngày làm việc. (Tăng thêm 10	Trung tâm Phục vụ hành chính	<b>Phí thẩm định:</b> * Đối với tổ chức - Trường hợp in mới	Văn phòng đăng ký đất đai	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
	đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (1.012793)		ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn)	công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<p>GCN Đất nông nghiệp</p> <p>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>: 70.000đ/hồ sơ;</p> <p>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 4.600.000đ/hồ sơ.</p> <p>Đất ở, đất phi nông nghiệp</p> <p>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 100.000đ/hồ sơ;</p> <p>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 4.700.000đ/hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp xác nhận GCN Đất nông nghiệp</p> <p>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>: 60.000đ/hồ sơ;</p> <p>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 3.700.000đ/hồ sơ.</p>		<p>nhận hồ sơ;</p> <p>- Nộp qua dịch vụ bưu chính;</p> <p>- Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh;</p> <p>- Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu cầu đăng ký và Văn phòng đăng ký đất đai.</p>	<p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>(4) Quyết định số 2124/QĐ-</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>Đất ở, đất phi nông nghiệp</p> <p>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>: 80.000đ/hồ sơ;</p> <p>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 3.700.000đ/hồ sơ.</p> <p><b>Lệ phí:</b></p> <p>* Đối với tổ chức</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 100.000 đồng/01 giấy.</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 30.000 đồng/01 lần.</p> <p>* Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội</p>			<p>BTNMT ngày 01/8/2024</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			
23	Đăng ký biến động đối với trường hợp điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu (1.012794)	Một phần	Không quá 5 ngày làm việc. (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn)	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<b>Phí thẩm định:</b> * Đối với tổ chức - Trường hợp in mới GCN Đất nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> : 70.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 4.600.000đ/hồ sơ. Đất ở, đất phi nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> , 100.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 4.700.000đ/hồ sơ. - Trường hợp xác	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Cơ quan thuế (nếu có)	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh; - Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu cầu đăng ký và Văn phòng đăng ký đất đai.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>nhận GCN  Đất nông nghiệp  + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>: 60.000đ/hồ sơ;  + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 3.700.000đ/hồ sơ.  Đất ở, đất phi nông nghiệp  + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>: 80. 000đ/hồ sơ;  + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 3.700.000đ/hồ sơ.  <b>Lệ phí:</b>  * Đối với tổ chức  - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 100.000 đồng/01 giấy.  - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 30.000</p>			<p>tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai  (4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					đồng/01 lần. * Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			
24	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ (1.012795)	Một phần	Trong ngày làm việc. (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn)	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	* <b>Phí thẩm định:</b> - Đối với tổ chức: Mức thu phí: 100.000 đồng/hồ sơ - Đối với hộ gia đình, cá nhân: Mức thu phí: 20.000 đồng/hồ sơ. * <b>Lệ phí cấp giấy:</b> - Đối với tổ chức: Mức thu chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: 30.000 đồng/01 lần.	Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh



STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>- Đối với hộ gia đình, cá nhân: + Tại các Phường: Mức thu chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: 28.000 đồng/01 lần. + Tại các xã, thị trấn: Mức thu chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: 14.000 đồng/01 lần. * Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.</p>		<p>Trà Vinh; - Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu cầu đăng ký và Văn phòng đăng ký đất đai.</p>	<p>bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>
25	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép	Một phần	Không quá 10 ngày làm việc (Tăng thêm 10	Trung tâm Phục vụ hành chính	<b>Phí thẩm định:</b> * Đối với tổ chức - Trường hợp in mới	Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
	cơ quan nhà nước có thẩm quyền (1.012815)		ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn)	công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<p>GCN Đất nông nghiệp</p> <p>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>: 70.000đ/hồ sơ;</p> <p>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 4.600.000đ/hồ sơ.</p> <p>Đất ở, đất phi nông nghiệp</p> <p>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 100.000đ/hồ sơ;</p> <p>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 4.700.000đ/hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp xác nhận GCN Đất nông nghiệp</p> <p>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>: 60.000đ/hồ sơ;</p> <p>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 3.700.000đ/hồ sơ.</p>	Văn phòng đăng ký đất đai	<p>nhận hồ sơ;</p> <p>- Nộp qua dịch vụ bưu chính;</p> <p>- Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh;</p> <p>- Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu cầu đăng ký và Văn phòng đăng ký đất đai.</p>	<p>ngày 18/01/2024.</p> <p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>(4) Quyết định số</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>Đất ở, đất phi nông nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>: 80.000đ/hồ sơ;</li> <li>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 3.700.000đ/hồ sơ.</li> </ul> <p>* Đối với hộ gia đình, cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp in mới GCN</li> </ul> <p>Đất nông nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 50.000đ/hồ sơ;</li> <li>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 250.000đ/hồ sơ.</li> </ul> <p>Đất ở, đất phi nông nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 100.000đ/hồ sơ;</li> <li>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên</li> </ul>			2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>3000m<sup>2</sup>, 270.000đ/hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp xác nhận GCN Đất nông nghiệp</li> <li>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 40.000đ/hồ sơ;</li> <li>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 150.000đ/hồ sơ.</li> </ul> <p><b>Lệ phí:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Đối với tổ chức</li> <li>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 100.000 đồng/01 giấy.</li> <li>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 30.000 đồng/lần.</li> <li>* Đối với hộ gia đình, cá nhân</li> <li>Tại các Phường</li> <li>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in</li> </ul>			

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>mới GCN): 25.000 đồng/01 giấy.</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 28.000 đồng/lần.</p> <p>Tại các xã, thị trấn</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 12.500 đồng/01 giấy.</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 14.000 đồng/lần.</p>			
26	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 (1.012813)	Một phần	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<p><b>Phí thẩm định:</b></p> <p>* Đối với hộ gia đình, cá nhân</p> <p>- Trường hợp in mới GCN</p> <p>Đất nông nghiệp</p> <p>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 50.000đ/hồ sơ;</p> <p>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 250.000đ/hồ</p>	(1) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (2) Cơ quan thuế (nếu có)	<p>- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ;</p> <p>- Nộp qua dịch vụ bưu chính;</p> <p>- Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ</p>	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15,

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>sơ. Đất ở, đất phi nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 100.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 270.000đ/hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp xác nhận GCN Đất nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 40.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 150.000đ/hồ sơ.</p> <p>Đất ở, đất phi nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 70.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 250.000đ/hồ</p>		<p>công tỉnh Trà Vinh; - Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu cầu đăng ký và Văn phòng đăng ký đất đai.</p>	<p>Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>sơ.</p> <p><b>Lệ phí:</b></p> <p>* Đối với hộ gia đình, cá nhân            Tại các Phường            - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 25.000 đồng/01 giấy.            - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 28.000 đồng/01 lần.</p> <p>Tại các xã, thị trấn            - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 12.500 đồng/01 giấy.            - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 14.000 đồng/01 lần.</p> <p>* Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định</p>			

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			
27	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp (1.012781)	Một phần	không quá 10 ngày làm việc (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn)	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<b>Phí thẩm định:</b> * Đối với hộ gia đình, cá nhân - Trường hợp in mới GCN Đất nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> , 50.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m <sup>2</sup> , 250.000đ/hồ sơ. Đất ở, đất phi nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> , 100.000đ/hồ sơ;	(1) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (2) Ủy ban nhân dân cấp xã (3) Cơ quan thuế (nếu có)	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh; - Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số



STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 270.000đ/hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp xác nhận GCN Đất nông nghiệp</p> <p>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 40.000đ/hồ sơ;</p> <p>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 150.000đ/hồ sơ.</p> <p>Đất ở, đất phi nông nghiệp</p> <p>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 70. 000đ/hồ sơ;</p> <p>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 250.000đ/hồ sơ.</p> <p><b>Lệ phí:</b></p> <p>* Đối với hộ gia đình, cá nhân</p> <p>Tại các Phường</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất</p>		<p>cầu đăng ký và Văn phòng đăng ký đất đai.</p>	<p>101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>(4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>đai (trường hợp in mới GCN): 25.000 đồng/01 giấy.</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 28.000 đồng/01 lần.</p> <p>Tại các xã, thị trấn</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 12.500 đồng/01 giấy.</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 14.000 đồng/01 lần.</p> <p>* Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với</p>			

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			
28	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận (1.012782)	Một phần	không quá 20 ngày làm việc (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn)	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<b>Phí thẩm định:</b> * Đối với hộ gia đình, cá nhân - Trường hợp in mới GCN Đất nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> , 50.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m <sup>2</sup> , 250.000đ/hồ sơ. Đất ở, đất phi nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> , 100.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m <sup>2</sup> , 270.000đ/hồ sơ. - Trường hợp xác nhận GCN Đất nông nghiệp	(1) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (2) Ủy ban nhân dân cấp huyện (3) Cơ quan thuế (nếu có)	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh; - Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu cầu đăng ký và Văn phòng đăng ký đất đai.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 40.000đ/hồ sơ;</p> <p>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 150.000đ/hồ sơ.</p> <p>Đất ở, đất phi nông nghiệp</p> <p>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 70. 000đ/hồ sơ;</p> <p>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 250.000đ/hồ sơ.</p> <p><b>Lệ phí:</b></p> <p>* Đối với hộ gia đình, cá nhân</p> <p>Tại các Phường</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 25.000 đồng/01 giấy.</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 28.000</p>			<p>quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>(4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>đồng/01 lần.            Tại các xã, thị trấn            - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 12.500 đồng/01 giấy.            - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 14.000 đồng/01 lần.</p>			
29	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (1.012783)	Một phần	<p>- Trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 0 của Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024: không quá 05 ngày làm việc.            - Trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 0 của Nghị định số 101/2024/NĐ- CP ngày 29/7/2024: không quá 10 ngày làm việc.            - Trường hợp cấp đổi đồng loạt cho</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận cửa cấp huyện	<p><b>Phí thẩm định:</b>            * Trường hợp Cấp đổi GCN đồng thời đổi tài liệu            Đối với tổ chức Đất nông nghiệp:            Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 80.000 đồng/hồ sơ;            Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500 ha, 4.600.000 đồng/hồ sơ.            Đất ở, đất phi nông nghiệp:            Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 90.000</p>	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	<p>- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ;            - Nộp qua dịch vụ bưu chính;            - Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh;            - Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa</p>	<p>((1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.            (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			<p>nhiều người sử dụng đất do đo đạc lập bản đồ địa chính thì thời gian thực hiện theo dự án: do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn)</p>		<p>đồng/hồ sơ;  Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha, 4.700.000 đồng/hồ sơ.  Đối với hộ gia đình, cá nhân  Đất nông nghiệp:  Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 50.000 đồng/hồ sơ;  Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 150.000 đồng/hồ sơ.  Đất ở, đất phi nông nghiệp:  Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 60.000 đồng/hồ sơ;  Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 240.000 đồng/hồ sơ.  * Trường hợp Cấp đổi GCN không đồng thời đổi tài liệu  Đối với tổ chức  Đất nông nghiệp:</p>		<p>người yêu cầu đăng ký và Văn phòng đăng ký đất đai.</p>	<p>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.  (4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 70.000 đồng/hồ sơ;  Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500 ha, 3.400.000 đồng/hồ sơ.  Đất ở, đất phi nông nghiệp:  Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 80.000 đồng/hồ sơ;  Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha, 3.500.000 đồng/hồ sơ.  Đối với hộ gia đình, cá nhân  Đất nông nghiệp:  Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 40.000 đồng/hồ sơ;  Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 100.000 đồng/hồ sơ.  Đất ở, đất phi nông nghiệp:</p>			

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 60.000 đồng/hồ sơ;  Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 200.000 đồng/hồ sơ.  <b>Lệ phí:</b>  * Đối với tổ chức: cấp đổi, cấp lại GCN): 50.000 đồng/01 lần; cấp đổi, cấp lại GCN có nhà và TS gắn liền với đất): 50.000 đồng/01 lần  * Đối với hộ gia đình cá nhân  - Tại các Phường: Mức thu lệ phí (cấp đổi, cấp lại GCN có nhà và TS gắn liền với đất): 50.000 đồng/01 lần; Mức thu lệ phí (cấp đổi, cấp lại GCN): 20.000 đồng/01 lần  - Tại các xã, thị trấn: Mức thu lệ phí (cấp đổi, cấp lại GCN):</p>			



STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					10.000 đồng/01 lần; (cấp đổi, cấp lại GCN có nhà và TS gắn liền với đất): 25.000 đồng/01 lần * Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			
30	Tách thửa hoặc hợp thửa đất (1.012784)	Một phần	- Trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất do thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; theo kết quả hòa giải thành về tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo về đất	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<b>Phí thẩm định:</b> * Đối với tổ chức - Trường hợp in mới GCN Đất nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> : 70.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			đai; do xử lý tài sản thế chấp: không quá 08 ngày làm việc - Trường hợp thay đổi về quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm: không quá 15 ngày làm việc - Trường hợp bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công: không quá 10 ngày làm việc - (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn)		nhất: Diện tích trên 500ha: 4.600.000đ/hồ sơ. Đất ở, đất phi nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> , 100.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 4.700.000đ/hồ sơ. * Đối với hộ gia đình, cá nhân - Trường hợp in mới GCN Đất nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> , 50.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m <sup>2</sup> , 250.000đ/hồ sơ. Đất ở, đất phi nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> , 100.000đ/hồ		Quốc gia hoặc Công dịch vụ công tỉnh Trà Vinh; - Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu cầu đăng ký và Văn phòng đăng ký đất đai.	31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>sơ;  + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 270.000đ/hồ sơ.  <b>Lệ phí:</b>  * Đối với tổ chức  - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 100.000 đồng/01 giấy.  * Đối với hộ gia đình, cá nhân  Tại các Phường  - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 25.000 đồng/01 giấy.  Tại các xã, thị trấn  - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 12.500 đồng/01 giấy.  * Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định</p>			

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			
31	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất (1.012786)	Một phần	Không quá 10 ngày làm việc (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn)	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<p><b>* Phí thẩm định:</b>  * Đối với tổ chức Không thay đổi tư liệu:  Đất nông nghiệp  - Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>: 70.000đ/hồ sơ;  - Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 3.400.000đ/hồ sơ.  Đất ở, đất phi nông nghiệp  - Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 80. 000đ/hồ sơ;  - Mức thu phí cao</p>	(1) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (2) Ủy ban nhân dân cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ;</li> <li>- Nộp qua dịch vụ bưu chính;</li> <li>- Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh;</li> <li>- Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu</li> </ul>	<p>1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.  (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.  (3) Nghị định số</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>nhất: Diện tích trên 500ha: 3.500.000đ/hồ sơ.</p> <p>* Đối với hộ gia đình, cá nhân Đất nông nghiệp</p> <p>- Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 40.000đ/hồ sơ;</p> <p>- Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 100.000đ/hồ sơ.</p> <p>Đất ở, đất phi nông nghiệp</p> <p>- Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 60.000đ/hồ sơ;</p> <p>- Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 200.000đ/hồ sơ.</p> <p>Có thay đổi tư liệu: Đất nông nghiệp</p> <p>- Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>: 80.000đ/hồ sơ;</p> <p>- Mức thu phí cao</p>		<p>cầu đăng ký và Văn phòng đăng ký đất đai.</p>	<p>101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>(4) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai</p> <p>(5) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>nhất: Diện tích trên 500ha: 4.600.000đ/hồ sơ.</p> <p>Đất ở, đất phi nông nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 90. 000đ/hồ sơ;</li> <li>- Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 4.700.000đ/hồ sơ.</li> </ul> <p>* Đối với hộ gia đình, cá nhân</p> <p>Đất nông nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 50.000đ/hồ sơ;</li> <li>- Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 150.000đ/hồ sơ.</li> </ul> <p>Đất ở, đất phi nông nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 60.000đ/hồ sơ;</li> <li>- Mức thu phí cao</li> </ul>			

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 240.000đ/hồ sơ.</p> <p>Lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>* Đối với tổ chức: Mức thu lệ phí (cấp đổi, cấp lại GCN): 50.000 đồng/lần/Giấy</li><li>* Đối với hộ gia đình, cá nhân</li></ul> <p>Tại các Phường: Mức thu lệ phí (cấp đổi, cấp lại GCN): 20.000 đồng/lần/Giấy</p> <p>Tại các xã, thị trấn: Mức thu lệ phí (cấp đổi, cấp lại GCN): 10.000 đồng/lần/Giấy</p> <ul style="list-style-type: none"><li>* Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp</li></ul>			

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			
32	Đăng ký đất đai đối với trường hợp chuyển nhượng dự án bất động sản (1.012788)	Một phần	Không quá 10 ngày làm việc (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<b>Phí thẩm định:</b> * Đối với tổ chức - Trường hợp in mới GCN Đất nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> : 70.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 4.600.000đ/hồ sơ. Đất ở, đất phi nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> , 100.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 4.700.000đ/hồ sơ. - Trường hợp xác nhận GCN Đất nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới	(1) UBND cấp tỉnh (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh (nếu được ủy quyền) (3) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (4) Cơ quan thuế (nếu có)	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh; - Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu cầu đăng ký và Văn phòng đăng ký đất đai.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận



STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>100 m<sup>2</sup>: 60.000đ/hồ sơ;  + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 3.700.000đ/hồ sơ.  Đất ở, đất phi nông nghiệp  + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>: 80. 000đ/hồ sơ;  + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 3.700.000đ/hồ sơ.  * Đối với hộ gia đình, cá nhân  - Trường hợp in mới GCN  Đất nông nghiệp  + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 50.000đ/hồ sơ;  + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 250.000đ/hồ sơ.  Đất ở, đất phi nông nghiệp</p>			<p>quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.  (4) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.  (5) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 100.000đ/hồ sơ;</p> <p>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 270.000đ/hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp xác nhận GCN Đất nông nghiệp</p> <p>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 40.000đ/hồ sơ;</p> <p>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 150.000đ/hồ sơ.</p> <p><b>Lệ phí:</b></p> <p>* Đối với tổ chức</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 100.000 đồng/01 giấy.</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 30.000 đồng/lần.</p>			

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>* Đối với hộ gia đình, cá nhân            Tại các Phường            - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 25.000 đồng/01 giấy.            - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 28.000 đồng/lần.            Tại các xã, thị trấn            - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 12.500 đồng/01 giấy.            - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 14.000 đồng/lần.            * Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND</p>			

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			
33	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp (1.012790)	Một phần	Không quá 10 ngày làm việc (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	* Trường hợp sai sót do đơn vị in Giấy chứng nhận thì không thu phí thẩm định hồ sơ, đơn giá dịch vụ và lệ phí; * Trường hợp sai sót do chủ sử dụng kê khai sai: <b>Phí thẩm định:</b> - Đối với tổ chức: Mức thu phí là 100.000đ/hồ sơ. - Đối với hộ gia đình, cá nhân: Mức thu phí là 20.000đ/hồ sơ. <b>Lệ phí:</b> * Đối với hộ gia	(1) UBND cấp tỉnh (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh (nếu được ủy quyền) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh; - Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu cầu đăng ký và Văn	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>đình cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại các Phường</li> <li>+ Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 28.000 đồng/lần.</li> <li>- Tại các xã, thị trấn</li> <li>+ Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 14.000 đồng/lần.</li> <li>* Đối với tổ chức</li> <li>+ Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 30.000 đồng/lần.</li> <li>* Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh</li> </ul>		phòng đăng ký đất đai.	<p>của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>(4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			
34	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi (1.012791)	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không quá 25 ngày làm việc</li> <li>- Thời gian thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận sau thu hồi: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu thì thời gian thực hiện đăng ký, cấp lại Giấy chứng nhận không quá 23 ngày làm việc (trong đó đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu là không quá 20 ngày làm việc; cấp Giấy chứng nhận lần đầu là không quá 03 ngày làm việc)</li> <li>+ Thu hồi Giấy</li> </ul> </li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>(1) UBND cấp huyện</li> <li>(2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện</li> <li>(3) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai</li> <li>(4) Ủy ban nhân dân cấp xã</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ;</li> <li>- Nộp qua dịch vụ bưu chính;</li> <li>- Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh;</li> <li>- Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu cầu đăng ký và Văn phòng đăng ký đất đai.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</li> <li>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</li> <li>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai;</li> </ul>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			chứng nhận đã cấp do đăng ký biên động thì thời gian thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định đối với từng trường hợp đăng ký biên động theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 22 của Nghị định quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai					đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024
35	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục	Một phần	Không quá 10 ngày làm việc (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn)	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<b>Phí thẩm định:</b> * Đối với tổ chức - Trường hợp in mới GCN Đất nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> : 70.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao	(1) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai. (2) Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, công trình xây	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
	chuyển quyền theo quy định (1.012785)				<p>nhất: Diện tích trên 500ha: 4.600.000đ/hồ sơ.  Đất ở, đất phi nông nghiệp  + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 100.000đ/hồ sơ;  + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 4.700.000đ/hồ sơ.  - Trường hợp xác nhận GCN  Đất nông nghiệp  + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>: 60.000đ/hồ sơ;  + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 3.700.000đ/hồ sơ.  Đất ở, đất phi nông nghiệp  + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>: 80.000đ/hồ sơ;  + Mức thu phí cao</p>	dụng, nông nghiệp, cơ quan thuế, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện (nếu có)	Quốc gia hoặc Công dịch vụ công tỉnh Trà Vinh; - Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu cầu đăng ký và Văn phòng đăng ký đất đai.	<p>31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.  (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.  (4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>



STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>nhất: Diện tích trên 500ha: 3.700.000đ/hồ sơ.  * Đối với hộ gia đình, cá nhân  - Trường hợp in mới GCN  Đất nông nghiệp  + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 50.000đ/hồ sơ;  + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 250.000đ/hồ sơ.  Đất ở, đất phi nông nghiệp  + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 100. 000đ/hồ sơ;  + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 270.000đ/hồ sơ.  - Trường hợp xác nhận GCN  Đất nông nghiệp  + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới</p>			

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>100 m<sup>2</sup>, 40.000đ/hồ sơ;  + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 150.000đ/hồ sơ.  Đất ở, đất phi nông nghiệp  + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 70. 000đ/hồ sơ;  + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 250.000đ/hồ sơ.</p> <p><b>Lệ phí:</b>  * Đối với tổ chức  - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 100.000 đồng/01 giấy.  - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 30.000 đồng/lần.  * Đối với hộ gia đình, cá nhân  Tại các Phường</p>			

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 25.000 đồng/01 giấy.</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 28.000 đồng/lần.</p> <p>Tại các xã, thị trấn</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 12.500 đồng/01 giấy.</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 14.000 đồng/lần.</p> <p>* Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh</p>			

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			
36	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản (1.012787)	Một phần	Không quá 10 ngày làm việc (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn)	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<b>Phí thẩm định:</b> * Đối với tổ chức - Trường hợp in mới GCN Đất nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> : 70.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 4.600.000đ/hồ sơ. Đất ở, đất phi nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> , 100.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 4.700.000đ/hồ sơ. - Trường hợp xác nhận GCN	(1) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (2) Cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, xây dựng, thuế, kho bạc (nếu có)	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh; - Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu cầu đăng ký và Văn phòng đăng ký đất đai.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai;

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>Đất nông nghiệp  + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>: 60.000đ/hồ sơ;  + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 3.700.000đ/hồ sơ.  Đất ở, đất phi nông nghiệp  + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>: 80. 000đ/hồ sơ;  + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 3.700.000đ/hồ sơ.  <b>Lệ phí:</b>  * Đối với tổ chức  - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 100.000 đồng/01 giấy.  - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 30.000 đồng/01 lần.</p>			<p>đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.  (4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					* Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			
37	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai (1.012789)	Một phần	Trong ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<b>Lệ phí:</b> Cung cấp thông tin về thửa đất: 45.000 đ/thửa	Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.	- Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh; - Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường công văn, điện tín, qua dịch vụ bưu	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
							chính; - Nộp thông qua các phương tiện điện tử khác theo quy định của pháp luật	29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Thông tư số 56/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai từ Hệ thống thông tin quốc gia về

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
								đất đai (5) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024
38	Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (1.012792)	Một phần	- Không quá 20 ngày làm việc (Không bao gồm thời gian giải quyết của các cơ quan quy định tại khoản 5 Điều 12 NĐ 102/2024/NĐ-CP) - Tăng thêm 10 ngày vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<b>Phí thẩm định:</b> * Đối với tổ chức: Mức thu phí: 100.000 đồng/hồ sơ <b>Lệ phí:</b> * Đối với tổ chức: Mức thu chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: 30.000 đồng/01 lần. * Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.	(1) UBND cấp tỉnh (2) Sở Tài nguyên và Môi trường (3) Văn phòng đăng ký đất đai (4) Cơ quan thuế (nếu có)	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính; - Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu cầu đăng ký	1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật



STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
							và Văn phòng đăng ký đất đai.	Đất đai. (4) Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (5) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024
39	Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (1.012802)	Một phần	- Không quá 20 ngày làm việc (Không bao gồm thời gian giải quyết của các cơ quan quy định tại khoản 5 Điều 12 ND 102/2024/NĐ-CP) - Tăng thêm 10 ngày vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<b>Phí thẩm định:</b> * Đối với tổ chức - Trường hợp in mới GCN Đất nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> : 70.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 4.600.000đ/hồ sơ. Đất ở, đất phi nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> , 100.000đ/hồ sơ;	1) UBND cấp tỉnh (2) Sở Tài nguyên và Môi trường (3) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (4) Cơ quan thuế (nếu có)	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp	1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 4.700.000đ/hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp xác nhận GCN Đất nông nghiệp</p> <p>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>: 60.000đ/hồ sơ;</p> <p>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 3.700.000đ/hồ sơ.</p> <p>Đất ở, đất phi nông nghiệp</p> <p>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>: 80. 000đ/hồ sơ;</p> <p>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 3.700.000đ/hồ sơ.</p> <p><b>Lệ phí:</b></p> <p>* Đối với tổ chức</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 100.000</p>		bản chính.	<p>102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>(4) Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất</p> <p>(5) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					đồng/01 giấy. * Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			
40	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là tổ chức (1.012803)	Một phần	Không quá 15 ngày làm việc. Trường hợp gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích: Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	(1) UBND cấp tỉnh (2) Sở Tài nguyên và Môi trường (3) Cơ quan thuế (nếu có)	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
							Trà Vinh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính.	bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. (4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024
41	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất (1.012821)	Một phần	không quá 38 ngày làm việc (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	Không	(1) UBND cấp tỉnh (2) Sở Tài nguyên và Môi trường (3) Các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện có đất (nếu có)	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15,

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
							Trà Vinh; - Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa Công ty nông, lâm nghiệp và Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh.	Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. (4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024
42	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.012805)	TTHC còn lại	60 ngày, kể từ ngày thụ lý (Tăng thêm 10 ngày đối với các xã đảo; vùng có điều kiện KTXH khó khăn)	Ủy ban nhân dân tỉnh	Không	UBND tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã nơi có đất tranh chấp, các phòng ban của UBND cấp tỉnh, cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu giải quyết (Sở TNMT hoặc cơ	Người có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp nộp đơn tại Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua dịch vụ công ích hoặc trực tiếp tại Trụ sở Tiếp	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
						quan chuyên môn khác).	công dân tỉnh	bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. (4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN (21 TTHC)**

**Lĩnh vực đất đai (21 TTHC)**

1	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp <b>thuộc diện</b> chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp	Một phần	Không quá 20 ngày làm việc (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<b>Phí thẩm định:</b> * Đối với trường hợp giao đất không thu tiền sử dụng đất: + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích từ 0,5 ha, 600.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích từ 10 ha, 4.500.000đ/hồ sơ. * Đối với trường hợp	(1) UBND cấp huyện (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện (3) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh	1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15,
---	---	----------	--	--	--	--	--	--

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
	thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân (1.012771)				<p>giao đất có thu tiền sử dụng đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích từ 0,5 ha, 1.500.000đ/hồ sơ;</li> <li>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích từ 10 ha, 6.000.000đ/hồ sơ</li> </ul> <p><b>Lệ phí:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Đối với tổ chức</li> <li>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 100.000 đồng/01 giấy.</li> <li>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 30.000 đồng/01 lần.</li> <li>* Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu</li> </ul>	(4) Cơ quan thuế (nếu có)	đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính.	<p>Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>(4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			
2	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp <b>không thuộc diện</b> chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân (1.012773)	Một phần	Không quá 20 ngày làm việc (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<b>Phí thẩm định:</b> * Đối với trường hợp giao đất không thu tiền sử dụng đất: + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích từ 0,5 ha, 600.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích từ 10 ha, 4.500.000đ/hồ sơ. * Đối với trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất: + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích từ 0,5 ha, 1.500.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích từ 10 ha, 6.000.000đ/hồ sơ <b>Lệ phí:</b> * Đối với tổ chức - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 100.000 đồng/01 giấy.	(1) UBND cấp huyện (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện (3) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (4) Cơ quan thuế(nếu có)	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật



STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 30.000 đồng/01 lần.</p> <p>* Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.</p>			Đất đai. (4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024
3	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện <b>chấp thuận</b> chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử	Một phần	Không quá 20 ngày làm việc (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<p><b>Phí thẩm định:</b></p> <p>* Đối với hộ gia đình, cá nhân</p> <p>- Trường hợp in mới GCN Đất nông nghiệp</p> <p>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 50.000đ/hồ sơ;</p>	(1) UBND cấp huyện (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện (3) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công tỉnh	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
	dụng đất là cá nhân (1.012774)				<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 250.000đ/hồ sơ.</li> <li>Đất ở, đất phi nông nghiệp</li> <li>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 100. 000đ/hồ sơ;</li> <li>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 270.000đ/hồ sơ.</li> <li>- Trường hợp xác nhận GCN Đất nông nghiệp</li> <li>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 40.000đ/hồ sơ;</li> <li>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 150.000đ/hồ sơ.</li> <li>Đất ở, đất phi nông nghiệp</li> <li>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 70. 000đ/hồ sơ;</li> </ul>	đăng ký đất đai (4) Cơ quan thuế (nếu có) (4)	Trà Vinh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính.	<p>31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>(4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 250.000đ/hồ sơ.</p> <p><b>Lệ phí:</b></p> <p>* Đối với hộ gia đình, cá nhân            Tại các Phường</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 25.000 đồng/01 giấy.</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 28.000 đồng/01 lần.</p> <p>Tại các xã, thị trấn</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 12.500 đồng/01 giấy.</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 14.000 đồng/01 lần.</p> <p>* Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí</p>			

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			
4	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp <b>không thuộc diện</b> chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân (1.012775)	Một phần	Không quá 20 ngày làm việc (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<b>Phí thẩm định:</b> * Đối với hộ gia đình, cá nhân - Trường hợp in mới GCN Đất nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> , 50.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m <sup>2</sup> , 250.000đ/hồ sơ. Đất ở, đất phi nông nghiệp + Mức thu phí thấp	(1) UBND cấp huyện (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện (3) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (4) Cơ quan thuế (nếu có) (4)	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 100.000đ/hồ sơ;  + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 270.000đ/hồ sơ.  - Trường hợp xác nhận GCN Đất nông nghiệp  + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 40.000đ/hồ sơ;  + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 150.000đ/hồ sơ.  Đất ở, đất phi nông nghiệp  + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 70.000đ/hồ sơ;  + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 250.000đ/hồ sơ.  <b>Lệ phí:</b>  * Đối với hộ gia đình, cá nhân</p>			<p>32/2024/QH15.  (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.   4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>Tại các Phường</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 25.000 đồng/01 giấy.</li> <li>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 28.000 đồng/01 lần.</li> </ul> <p>Tại các xã, thị trấn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 12.500 đồng/01 giấy.</li> <li>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 14.000 đồng/01 lần.</li> </ul> <p>* Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội</p>			

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			
5	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân (1.012776)	Một phần	Không quá 20 ngày làm việc (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<p><b>Phí thẩm định:</b></p> <p>* Đối với trường hợp giao đất không thu tiền sử dụng đất:</p> <p>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích từ 0,5 ha, 600.000đ/hồ sơ;</p> <p>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích từ 10 ha, 4.500.000đ/hồ sơ.</p> <p>* Đối với trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất:</p> <p>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích từ 0,5 ha, 1.500.000đ/hồ sơ;</p> <p>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích từ 10 ha, 6.000.000đ/hồ sơ</p> <p><b>Lệ phí:</b></p> <p>* Đối với hộ gia đình, cá nhân Tại các Phường - Mức thu lệ phí đăng</p>	1) UBND cấp huyện (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện (3) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (4) Cơ quan thuế (nếu có)	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 25.000 đồng/01 giấy.</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 28.000 đồng/01 lần.</p> <p>Tại các xã, thị trấn</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 12.500 đồng/01 giấy.</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 14.000 đồng/01 lần.</p> <p>* Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu</p>			<p>thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>(4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>



STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			
6	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân (1.012777)	Một phần	Không quá 10 ngày làm việc (Tăng thêm 5 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	Không	1) UBND cấp huyện (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện (3) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (4) Cơ quan thuế (nếu có)	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
								điều của Luật Đất đai. (4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024
7	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân (1.012778)	Một phần	Không quá 20 ngày làm việc (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	Không	1) UBND cấp huyện (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện (3) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (4) Cơ quan thuế (nếu có)	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
								điều của Luật Đất đai. (4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024
8	Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là cá nhân (1.012779)	Một phần	Không quá 20 ngày làm việc (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<b>Phí thẩm định:</b> * Đối với trường hợp giao đất không thu tiền sử dụng đất: + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích từ 0,5 ha, 600.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích từ 10 ha, 4.500.000đ/hồ sơ. * Đối với trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất: + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích từ 0,5 ha, 1.500.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích từ 10 ha, 6.000.000đ/hồ sơ <b>Lệ phí:</b> * Đối với hộ gia đình, cá nhân Tại các Phường - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất	1) UBND cấp huyện (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện (3) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (4) Cơ quan thuế (nếu có)	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>đai (trường hợp in mới GCN): 25.000 đồng/01 giấy.</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 28.000 đồng/01 lần.</p> <p>Tại các xã, thị trấn</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 12.500 đồng/01 giấy.</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 14.000 đồng/01 lần.</p> <p>* Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với</p>			<p>điều của Luật Đất đai.</p> <p>(4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			
9	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo	Một phần	Không quá 85 ngày làm việc (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<b>Phí thẩm định:</b> * Đối với trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất: + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích từ 0,5 ha, 1.500.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích từ 10 ha, 6.000.000đ/hồ sơ <b>Lệ phí:</b> * Đối với hộ gia đình, cá nhân Tại các Phường - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 25.000 đồng/01 giấy. - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 28.000 đồng/01 lần. Tại các xã, thị trấn - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất	(1) UBND cấp huyện (2) UBND cấp xã (3) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
	thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại thị trấn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở (1.012780)				đai (trường hợp in mới GCN): 12.500 đồng/01 giấy. - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 14.000 đồng/01 lần. * Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			(4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024
10	Giao đất, cho thuê	Một phần	Không quá 20	Trung tâm	<b>Phí thẩm định:</b>	1) UBND cấp	- Nộp trực	(1) Luật Đất đai

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
	đất, giao khu vực biên để thực hiện hoạt động lấn biển mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân (1.012806)		ngày làm việc (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn	Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<p>* Đối với trường hợp giao đất không thu tiền sử dụng đất: + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích từ 0,5 ha, 600.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích từ 10 ha, 4.500.000đ/hồ sơ.</p> <p>* Đối với trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất: + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích từ 0,5 ha, 1.500.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích từ 10 ha, 6.000.000đ/hồ sơ</p> <p><b>Lệ phí:</b> * Đối với hộ gia đình, cá nhân Tại các Phường - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 25.000 đồng/01 giấy. - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 28.000</p>	huyện (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện (3) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (4) Cơ quan thuế (nếu có)	tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh đối với trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính.	<p>số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.  4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>đồng/01 lần.            Tại các xã, thị trấn            - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 12.500 đồng/01 giấy.            - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 14.000 đồng/01 lần.            * Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.</p>			
11	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận	Một phần	Không quá 20 ngày làm việc đối với trường hợp	Trung tâm Phục vụ hành chính	<b>Phí thẩm định:</b> * Đối với hộ gia đình, cá nhân	(1) UBND cấp huyện; (2) Cơ quan	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15



STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
	quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất (1.012814)		đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu; không quá 23 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu (trong đó đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu là không quá 20 ngày làm việc; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu là không quá 03 ngày làm việc) (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn)	công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	Đất nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> , 50.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m <sup>2</sup> , 180.000đ/hồ sơ. Đất ở, đất phi nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> , 80.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m <sup>2</sup> , 200.000đ/hồ sơ. <b>Lệ phí:</b> * Đối với hộ gia đình, cá nhân - Tại các Phường Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai: 25.000 đồng/01 giấy. - Tại các xã, thị trấn Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai: 12.500 đồng/01	có chức năng quản lý đất đai cấp huyện (3) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (4) Ủy ban nhân dân cấp xã (5) Cơ quan thuế, cơ quan có chức năng quản lý về xây dựng cấp huyện (nếu có)	nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh; - Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu cầu đăng ký và Văn phòng đăng ký đất đai.	ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Quyết định

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					giấy. * Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024
12	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 (1.012817)	Một phần	Không quá 20 ngày làm việc (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<b>Phí thẩm định:</b> * Đối với hộ gia đình, cá nhân - Trường hợp in mới GCN Đất nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> , 50.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m <sup>2</sup> , 250.000đ/hồ sơ.	1) UBND cấp huyện (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện (3) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>Đất ở, đất phi nông nghiệp</p> <p>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 100.000đ/hồ sơ;</p> <p>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 270.000đ/hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp xác nhận GCN</p> <p>Đất nông nghiệp</p> <p>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 40.000đ/hồ sơ;</p> <p>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 150.000đ/hồ sơ.</p> <p>Đất ở, đất phi nông nghiệp</p> <p>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 70.000đ/hồ sơ;</p> <p>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 250.000đ/hồ sơ.</p>		<p>Trà Vinh;</p> <p>- Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu cầu đăng ký và Văn phòng đăng ký đất đai.</p>	<p>bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>(4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p><b>Lệ phí:</b>  * Đối với hộ gia đình, cá nhân  Tại các Phường  - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 25.000 đồng/01 giấy.  - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 28.000 đồng/01 lần.  Tại các xã, thị trấn  - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 12.500 đồng/01 giấy.  - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 14.000 đồng/01 lần.  * Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số</p>			

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			
13	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất (1.012819)	Một phần	Không quá 10 ngày làm việc (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn)	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<p><b>* Phí thẩm định:</b>  <b>* Đối với tổ chức</b>  Không thay đổi tư liệu:  Đất nông nghiệp  - Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>: 70.000đ/hồ sơ;  - Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 3.400.000đ/hồ sơ.  Đất ở, đất phi nông nghiệp  - Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 80.000đ/hồ sơ;  - Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên</p>	(1) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (2) Ủy ban nhân dân cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ;</li> <li>- Nộp qua dịch vụ bưu chính;</li> <li>- Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh;</li> <li>- Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu cầu đăng ký</li> </ul>	<p>1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.  (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.  (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>500ha: 3.500.000đ/hồ sơ.</p> <p>* Đối với hộ gia đình, cá nhân</p> <p>Đất nông nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 40.000đ/hồ sơ;</li> <li>- Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 100.000đ/hồ sơ.</li> </ul> <p>Đất ở, đất phi nông nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 60.000đ/hồ sơ;</li> <li>- Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 200.000đ/hồ sơ.</li> </ul> <p>Có thay đổi tư liệu:</p> <p>Đất nông nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>: 80.000đ/hồ sơ;</li> <li>- Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên</li> </ul>		và Văn phòng đăng ký đất đai.	<p>ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>(4) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai</p> <p>(5) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>500ha: 4.600.000đ/hồ sơ.  Đất ở, đất phi nông nghiệp  - Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 90. 000đ/hồ sơ;  - Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 500ha: 4.700.000đ/hồ sơ.  * Đối với hộ gia đình, cá nhân  Đất nông nghiệp  - Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 50.000đ/hồ sơ;  - Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 150.000đ/hồ sơ.  Đất ở, đất phi nông nghiệp  - Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 60.000đ/hồ sơ;  - Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên</p>			

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>3000m<sup>2</sup>, 240.000đ/hồ sơ.</p> <p>Lệ phí:</p> <p>* Đối với tổ chức: Mức thu lệ phí (cấp đổi, cấp lại GCN): 50.000 đồng/lần/Giấy</p> <p>* Đối với hộ gia đình, cá nhân Tại các Phường: Mức thu lệ phí (cấp đổi, cấp lại GCN): 20.000 đồng/lần/Giấy</p> <p>Tại các xã, thị trấn: Mức thu lệ phí (cấp đổi, cấp lại GCN): 10.000 đồng/lần/Giấy</p> <p>* Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực</p>			



STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					tuyển trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			
14	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót (1.012796)	Một phần	Không quá 10 ngày làm việc (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn)	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<p>* Trường hợp sai sót do đơn vị in Giấy chứng nhận thì không thu phí thẩm định hồ sơ, đơn giá dịch vụ và lệ phí;</p> <p>* Trường hợp sai sót do chủ sử dụng kê khai sai:</p> <p><b>Phí thẩm định:</b></p> <p>- Đối với tổ chức: Mức thu phí là 100.000đ/hồ sơ.</p> <p>- Đối với hộ gia đình, cá nhân: Mức thu phí là 20.000đ/hồ sơ.</p> <p><b>Lệ phí:</b></p> <p>* Đối với tổ chức</p> <p>+ Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 30.000 đồng/01 lần.</p> <p>* Đối với hộ gia đình cá nhân</p> <p>- Tại các Phường</p> <p>+ Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp</p>	(1) UBND cấp huyện (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện (3) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	<p>- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ;</p> <p>- Nộp qua dịch vụ bưu chính;</p> <p>- Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh;</p> <p>- Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu cầu đăng ký và Văn phòng đăng ký đất đai.</p>	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>chính lý GCN): 28.000 đồng/01 lần.  - Tại các xã, thị trấn  + Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chính lý GCN): 14.000 đồng/01 lần.  * Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.</p>			<p>tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.  (4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>
15	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không quá 25 ngày làm việc</li> <li>- Thời gian thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận sau</li> </ul>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện</p>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>(4) UBND cấp huyện</li> <li>(5) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện</li> <li>(3) Văn phòng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ;</li> <li>- Nộp qua dịch vụ bưu chính;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</li> <li>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024</li> </ul>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
	hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi (1.012818)		<p>thu hồi:</p> <p>+ Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu thì thời gian thực hiện đăng ký, cấp lại Giấy chứng nhận không quá 23 ngày làm việc (trong đó đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu là không quá 20 ngày làm việc; cấp Giấy chứng nhận lần đầu là không quá 03 ngày làm việc)</p> <p>+ Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp do đăng ký biên động thì thời gian thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định đối với từng trường hợp đăng ký biên động theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 22 của Nghị định quy định về điều</p>			<p>đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai</p> <p>(4) Ủy ban nhân dân cấp xã</p>	<p>- Nộp trên Công dịch vụ công Quốc gia hoặc Công dịch vụ công tỉnh Trà Vinh;</p> <p>- Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu cầu đăng ký và Văn phòng đăng ký đất đai.</p>	<p>sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>(4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai					
16	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông (1.012816)	TTHC còn lại	Không quá 10 ngày làm việc (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn	UBND cấp xã	<b>Phí thẩm định:</b> * Đối với hộ gia đình, cá nhân - Trường hợp in mới GCN Đất nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> , 50.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m <sup>2</sup> , 250.000đ/hồ sơ. Đất ở, đất phi nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> , 100.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m <sup>2</sup> , 270.000đ/hồ	(1) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cấp huyện (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã (3) Ủy ban nhân dân cấp xã	Nộp tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp xác nhận GCN Đất nông nghiệp</li> <li>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 40.000đ/hồ sơ;</li> <li>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 150.000đ/hồ sơ.</li> </ul> <p>Đất ở, đất phi nông nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>, 70. 000đ/hồ sơ;</li> <li>+ Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m<sup>2</sup>, 250.000đ/hồ sơ.</li> </ul> <p><b>Lệ phí:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Đối với hộ gia đình, cá nhân</li> <li>Tại các Phường</li> <li>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 25.000 đồng/01 giấy.</li> </ul>			<p>quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>(4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 28.000 đồng/01 lần.            Tại các xã, thị trấn</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 12.500 đồng/01 giấy.</p> <p>- Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 14.000 đồng/01 lần.</p> <p>* Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn</p>			

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					tỉnh Trà Vinh.			
17	Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư (1.012807)	Một phần	Không quá 20 ngày làm việc (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<p>* <b>Phí thẩm định:</b> Đối với hộ gia đình, cá nhân: Mức thu phí: 20.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>* <b>Lệ phí:</b> - Đối với hộ gia đình, cá nhân: + Tại các Phường: Mức thu chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: 28.000 đồng/01 lần. + Tại các xã, thị trấn: Mức thu chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: 14.000 đồng/01 lần.</p> <p>* Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với</p>	1) UBND cấp huyện (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện (3) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (4) Cơ quan thuế (nếu có)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ;</li> <li>- Nộp qua dịch vụ bưu chính;</li> <li>- Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh</li> <li>trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính;</li> <li>- Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu cầu đăng ký và Văn phòng đăng ký đất đai.</li> </ul>	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</p> <p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>(4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày</p>

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			01/8/2024
18	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết hạn sử dụng đất (1.012808)	Một phần	Không quá 7 ngày làm việc (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn)	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<p><b>Phí thẩm định:</b> Đất nông nghiệp - Mức thu phí: 20.000 đồng/hồ sơ.</p> <p><b>Lệ phí:</b> Tại các Phường - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 25.000 đồng/01 giấy. - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 28.000 đồng/lần. Tại các xã, thị trấn - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 12.500 đồng/01 giấy. - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 14.000 đồng/lần.</p>	(1) Văn phòng đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ;</li> <li>- Nộp qua dịch vụ bưu chính;</li> <li>- Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh</li> <li>trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính;</li> <li>- Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu cầu đăng ký và Văn phòng đăng</li> </ul>	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</p> <p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p>



STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					* Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.		ký đất đai.	
19	Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư (1.012809)	Một phần	Không quá 20 ngày làm việc (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	<b>Phí thẩm định:</b> * Đối với hộ gia đình, cá nhân - Trường hợp in mới GCN Đất nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> , 50.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m <sup>2</sup> , 250.000đ/hồ sơ. Đất ở, đất phi nông	(1) UBND cấp huyện (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện (3) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (4) Cơ quan thuế (nếu có)	- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> , 100.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m <sup>2</sup> , 270.000đ/hồ sơ. - Trường hợp xác nhận GCN Đất nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> , 40.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m <sup>2</sup> , 150.000đ/hồ sơ. Đất ở, đất phi nông nghiệp + Mức thu phí thấp nhất: Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup> , 70.000đ/hồ sơ; + Mức thu phí cao nhất: Diện tích trên 3000m <sup>2</sup> , 250.000đ/hồ sơ. <b>Lệ phí:</b>			29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. (4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>* Đối với hộ gia đình, cá nhân            Tại các Phường            - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 25.000 đồng/01 giấy.            - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 28.000 đồng/01 lần.            Tại các xã, thị trấn            - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp in mới GCN): 12.500 đồng/01 giấy.            - Mức thu lệ phí đăng ký biến động về đất đai (trường hợp chỉnh lý GCN): 14.000 đồng/01 lần.            * Lưu ý: Thu 50% mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động dịch vụ công trực tuyến theo quy định Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND</p>			

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.			
20	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là cá nhân (1.012810)	Một phần	-Thời gian phê duyệt phương án sử dụng đất kết hợp: không quá 15 ngày làm việc. - Trường hợp gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích: Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc (Tăng thêm 10 ngày đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	Không	(1) UBND cấp huyện (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện (3) Cơ quan thuế (nếu có)	- Nộp trực tiếp tại các cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trên Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh trường hợp hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
								ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. (4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024
21	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (1.012811)	TTHC còn lại	45 ngày, kể từ ngày thụ lý (Tăng thêm 10 ngày đối với xã đảo, vùng có điều kiện KTXH khó khăn)	UBND cấp huyện	Không	(1) UBND cấp huyện (2) Ủy ban nhân dân cấp xã, (3) Cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu giải quyết (Phòng Tài nguyên và Môi trường hoặc cơ quan chuyên môn)	- Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tiếp tại Trụ sở tiếp công dân cấp huyện.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
								ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. (4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024

**C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ (01 TTHC)**

**Lĩnh vực đất đai (01 TTHC)**

1	Hòa giải tranh chấp đất đai (1.012812)	TTHC còn lại	không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu	UBND cấp xã	Không	UBND cấp xã	Người có đơn yêu cầu hòa giải gửi đơn đến UBND cấp xã	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.
---	--	--------------	---	-------------	-------	-------------	---	--

STT	Tên TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
								(3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.  4) Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

Số TT	Tên TTHC	Ghi chú
A	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (33 TTHC)</b>	
	<b>Lĩnh vực đất đai (33 TTHC)</b>	
1	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
2	Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01/7/2004	
3	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	

4	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	
5	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	
6	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	
7	Chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	
8	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	
9	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	
10	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	
11	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	
12	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	
13	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	
14	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	
15	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (cấp tỉnh)	
16	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	
17	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp (cấp tỉnh)	
18	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện (cấp tỉnh)	



19	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	
20	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	
21	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	
22	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	
23	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	
24	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	
25	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có giấy chứng nhận	
26	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	
27	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; <i>đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp</i>	
28	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	
29	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	
30	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	
31	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	
32	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	

33	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	
<b>B</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN (06 TTHC)</b>	
	<b>Lĩnh vực đất đai (06 TTHC)</b>	
1	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện	
2	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	
3	Thủ tục Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	
4	Thủ tục Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	
5	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	
6	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện “ <i>dồn điền đổi thửa</i> ” ( <i>đồng loạt</i> )	
<b>C</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ (01 TTHC)</b>	
	<b>Lĩnh vực đất đai (01 TTHC)</b>	
1	Hòa giải tranh chấp đất đai	